TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST Ngày 03 tháng 4 năm 2019 V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến;

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Lệ H, sinh năm 1979, có mặt.

Địa chỉ: Đội X, thôn Y, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị Lệ H: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1965, có mặt.

Địa chỉ: Đường N, thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1978, có mặt.

Địa chỉ: Đội X, thôn Y, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Đường V, quận H, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Tấn N. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch K - chi nhánh B - Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Đường H1, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hoàng Xuân L, có mặt.

Địa chỉ: Đội X, thôn Y, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Đào Xuân D, sinh năm 1959 bà Trần Thị L1, sinh năm 1965, có mặt.

Địa chỉ: Đội X, thôn Y, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Đào Thị N1, sinh năm 1989 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đội X, thôn Y, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Trần Thị Kim N2, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Hoàng Thị Lệ H và người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Ngọc T trình bày: Bà H và ông Trần Văn P đã được TAND huyện Krông Ana giải quyết cho ly hôn tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 65/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2017. Về tài sản chung hai bên đã lập biên bản tự thỏa thuận phân chia, tuy nhiên trong thỏa thuận đó không cụ thể rõ ràng, quá trình sử dụng đã xảy ra tranh chấp vì vậy bà H đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa bà và ông P gồm những tài sản sau:

1. Thửa đất số 197b, tờ bản đồ số 03, diện tích 350m^2, trong đó có 100m^2 đất ở và 250m^2 đất vườn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R ****** do UBND huyện K cấp ngày 25/8/2001 cho hộ ông Trần Văn P. Địa chỉ thửa đất: thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đất ông L2 dài 51m;
- Phía tây giáp đất bà H, ông P mua của ông D, bà L1 dài 50m;
- Phía nam giáp đất ông M dài 5m;
- Phía bắc giáp đường liên xã dài 5m.

Diện tích đo thực địa: 252,5m^2.

1.1 Tài sản gắn liền với đất:

- 01 nhà xây cấp 4, mái lợp tôn thiếc, tường xây 20cm, móng xây đá hộc; nền ốp gạch Cêramic, khung cửa gỗ, ½ diện tích có đóng trần bằng gỗ, ½ diện tích trần bằng tôn lạnh, xây dựng vào năm 2011 diện tích xây dựng 75m^2.

Mái che trước sân và đường luồng diện tích 32m^2, cổng sắt cao 1,6m, rộng 3,5m.

- 01 giếng sâu 16m, đường kính 1m, có xây thành giếng.

2. Thửa đất số 536, tờ bản đồ số 03, diện tích 407m^2, trong đó có 200m^2 đất ở nông thôn, 207m^2 đất trồng cây lâu năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH ****** do UBND huyện K cấp ngày 09/4/2013 cho ông Trần Văn P, bà Hoàng Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đất ông Hoàng Xuân L dài 68,48m;
- Phía tây giáp đất ông Hoàng Xuân L dài 68,31m;
- Phía nam giáp đất ông Hoàng Xuân L dài 6m;

- Phía bắc giáp đường liên xã dài 6m.

Diện tích đo thực địa: 407m^2.

Cây trồng trên đất: 89 cây tiêu trồng năm 2017 (kiến thiết cơ bản) trụ bê tông.

3. Thửa đất số 1162, tờ bản đồ số 9, diện tích 112m^2 đất ở tại đô thị. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI ****** do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/5/2017 cho ông Trần Văn P, bà Hoàng Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: khu Đ, tổ dân phố P, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đường dài 15,8m;

- Phía tây giáp nhà ông Bắc dài 20m;

- Phía nam giáp đường số 11 gồm 02 đoạn gấp khúc, đoạn 1 dài 2,3m, đoạn 2 dài 5,7m;

- Phía bắc giáp nhà ông A dài 6m.

Tài sản gắn liền với đất: không có.

4. Lô đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 330m^2 tọa lạc tại thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, nguồn gốc lô đất nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị L1, ông Đào Xuân D. Có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp thửa đất 197b, đất của bà H, ông P dài 51,9m;

- Phía tây giáp đất ông D, bà L1 dài 51,9m;

- Phía nam giáp đất ông D, bà L1 dài 5m;

- Phía bắc giáp đường tỉnh lộ 2 dài 5m.

Diện tích đo thực địa: 259m^2

Lô đất này ông P đã chuyển nhượng cho bà Đào Thị N1, chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Tài sản gắn liền với đất: 01 nhà xây cấp 4 diện tích 57m^2, xây tường 10cm không tô trát, một bên tường dùng nhờ tường của nhà bà L1, ông D, mái lợp tôn không đóng la phông, nền láng xi măng, móng xây gạch, mái che trước sân lợp tôn, diện tích 27,5m^2 (Nhà do bà Đào Thị N1 xây dựng năm 2017).

* Về nợ chung:

Hiện nay bà H và ông P đang nợ những khoản sau:

- Nợ ông Hoàng Xuân L 150.000.000đ tiền gốc.

- Nợ Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B, phòng giao dịch K 280.000.000đ tiền gốc và tiền lãi hơn 30.000.000^đ.

Bà H đề nghị chia cho bà ba thửa đất:

- Lô đất có diện tích 350m^2, trong đó có 100m^2 đất ở và 250m^2 đất vườn, thửa đất số 197b, tờ bản đồ số 03, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R ****** do UBND huyện K cấp ngày 25/8/2001 cho hộ ông Trần Văn P. Địa chỉ thửa đất: thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trị giá nhà + đất: đã được định giá là 400.000.000đ.

- Lô đất có diện tích 407m^2, trong đó có 200m^2 đất ở nông thôn, 207m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 536, tờ bản đồ số 03, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH ****** do UBND huyện K cấp ngày 09/4/2013 cho ông Trần Văn P, bà Hoàng

Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trị giá đất + tài sản trên đất: 110.000.000đ.

- Lô đất có diện tích 112m^2, thửa đất số 1162, tờ bản đồ số 9, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI ****** do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/5/2017 cho ông Trần Văn P, bà Hoàng Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: Thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trị giá: 180.000.000đ

Bà H có trách nhiệm trả nợ cho ông Hoàng Xuân L 150.000.000đ tiền gốc; trả nợ Ngân hàng TMCP Đ 280.000.000đ tiền gốc và trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ khi vay đến khi trả xong nợ. Trường hợp không trả được nợ cho Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Bà H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Trần Văn P số tiền chênh lệch giá trị tài sản chung là 42.000.000đ.

Giao cho ông Trần Văn P lô đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Lô đất diện tích 330m^2 tọa lạc tại thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, nguồn gốc lô đất nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị L1, ông Đào Xuân D (hiện nay ông P đã chuyển nhượng lại cho bà Đào Thị N1). Trị giá lô đất (không tính trị giá công trình xây dựng): 150.000.000đ.

Bị đơn: Ông Trần Văn P trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa trình bày như sau:

Về tài sản chung của ông và bà H và giá trị tài sản như bà H và ông Phạm Ngọc T trình bày ở trên là đúng, ông không có ý kiến gì.

Ông P đề nghị phân chia cho ông tài sản như sau:

- Giá trị lô đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Lô đất diện tích 330m^2 tọa lạc tại thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, nguồn gốc lô đất nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị L1, ông Đào Xuân D (ông P đã chuyển nhượng lại cho bà Đào Thị N1 năm 2017).

- Lô đất có diện tích 112m^2, thửa đất số 1162, tờ bản đồ số 9, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI ****** do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/5/2017 cho ông Trần Văn P, bà Hoàng Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: Thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trị giá: 180.000.000^đ.

Về nợ chung: Ông công nhận ông và bà H còn nợ Ngân hàng TMCP Đ (chi nhánh B, phòng giao dịch K) 280.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

Về khoản nợ này ông P chịu trách nhiệm trả ½, bà H trả ½ cho Ngân hàng.

Còn số nợ ông Hoàng Xuân L 150.000.000đ ông không đồng ý trả, vì ông không tham gia vay tiền của ông L, bà H vay khoản tiền này ông không biết, không biết bà H vay khoản tiền này sử dụng vào việc gì, bà H phải chịu trách nhiệm trả khoản nợ này.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 23/10/2018 và quá trình tham gia tố tụng đại diện Ngân hàng TMCP Đ ông Lê Tấn N trình bày:

Ngày 18/5/2017 ông Trần Văn P và bà Hoàng Thị Lệ H ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/********/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ (Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K) để vay số tiền 280.000.000đ, lãi suất tại thời

điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 11 tháng, hạn trả nợ vào ngày 18/4/2018.

Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH ******, thửa đất số 253, tờ bản đồ số 3, diện tích 407m^2, địa chỉ thửa đất: thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 09/4/2013 mang tên ông Trần Văn P và bà Hoàng Thị Lệ H.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R ******, thửa đất số 197b, tờ bản đồ số 3, diện tích 350m2, địa chỉ thửa đất: xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/8/2001 mang tên hộ Trần Văn P.

Hiện nay, số nợ trên đã quá hạn thanh toán, ông P, bà H còn nợ Ngân hàng tiền gốc 280.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 03/4/2019 là 47.632.474đ.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông P, bà H trả Ngân hàng 280.000.000^đ tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày 03/4/2019 là 47.632.474^đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 04/4/2019 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông P, bà H không trả được nợ cho Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại đơn yêu cầu độc lập và quá trình tham gia tố tụng ông Hoàng Xuân L trình bày: Ông là cha đẻ của bà Hoàng Thị Lệ H, ông Trần Văn P là con rể (chồng cũ bà H) vào năm 2016 ông có cho bà H vay số tiền 150.000.000đ, để mua khu đất ở khu Đ, thị trấn B1, huyện K, nguồn gốc số tiền này ông đứng ra vay tại Ngân hàng Đ – Chi nhánh B – phòng giao dịch K, bà H phải trả tiền lãi hàng tháng vào ngân hàng cho ông, vì ông và bà H là cha con nên khi vay tiền không làm giấy tờ gì, ông P không tham gia vay nhưng số tiền trên bà H vay để mua đất làm tài sản chung của vợ chồng bà H ông P, đến năm 2017 bà H và ông P ly hôn. Tháng 8 năm 2018 ông L nhận được thông báo của Tòa án thông báo bà H và ông P chia tài sản chung sau khi ly hôn, vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H và ông P có nghĩa vụ trả nợ cho ông số tiền 150.000.000đ nói trên để ông có tiền trả Ngân hàng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đào Xuân D, bà Trần Thị L1 trình bày: Vào năm 2014 vợ chồng ông bà chuyển nhượng cho ông P, bà H 01 thửa đất thuộc thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Có tứ cận như sau:

Phía đông giáp thửa đất 197b, đất của bà H, ông P dài 51,9m;

Phía tây giáp đất của gia đình ông D, bà L1 dài 51,9m;

Phía nam giáp đất của gia đình ông D, bà L1 dài 5m;

Phía bắc giáp đường tỉnh lộ 2 dài 5m.

Diện tích đo thực địa: 259m^2.

Việc sang nhượng đất không có giấy tờ gì, giá chuyển nhượng là 150.000.000đ. ông P, bà H đã trả đủ tiền chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông bà. Ông bà chưa làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, bà H.

Thửa đất này sau khi ông P, bà H ly hôn, ông P, bà H tự thỏa thuận với nhau về chia tài sản chung, thửa đất này được chia cho ông P, ông P đã chuyển nhượng lại cho con gái ông bà là Đào Thị N1, hiện nay chị N1 đã xây nhà trên thửa đất này và đang sử dụng.

Nay ông P, bà H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn, trong đó có thửa đất vợ chồng ông D, bà L1 chuyển nhượng cho ông P, bà H, ông bà không có yêu cầu và ý kiến gì đối với ông P, bà H, vì tiền chuyển nhượng đất ông P, bà H đã trả đủ cho ông bà.

Tại bản tự khai ngày 16/101/2018 bà Đào Thị N1 trình bày: Vào ngày 26/10/2017 bà nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn P thửa đất tại thôn 4, xã Quảng Điền, chiều rộng mặt tiền 5m, phía đông giáp thửa đất 197b của ông P, bà H dài 51,9m; Phía tây giáp đất của ông D, bà L1 dài 51,9m; Phía nam giáp đất ông D, bà L1 rộng 5m. Giá chuyển nhượng là 50 triệu đồng, khi nhận chuyển nhượng bà đã giao đủ tiền cho ông P và nhận đất, sau đó bà đã xây nhà cấp 4, diện tích 57m2, mái lợp tôn láng xi măng, mái che phía trước rọng 27,5m2, nền láng xi măng. Nay ông P, bà H giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi cho bà.

- **Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2018 chị Trần Thị Kim N2 trình bày**: Chị là con ruột của ông P, bà H, ông bà đã ly hôn. Nay bà H và ông P yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn. Chị không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với khối tài sản chung của ông P, bà H, bản thân chị không có đóng góp công sức gì vào khối tài sản chung của gia đình, khối tài sản là do ông P, bà H tự tạo lập.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 35; 39; 48; 51; 68; 70; 71; 72; 96; 97; 98; 195; 196; 203; 220; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, nhừng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các khoản 1,2,3 Điều 37; Điều 59 và khoản 2 Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị Lệ H, đối với phần tài sản chung của bà H ông P chia theo quy định của pháp luật.

Về phần nợ của Ngân hàng Đ và nợ của ông Hoàng Xuân L đề nghị Tòa án phân chia theo tỷ phần tài sản bà H, ông P mà được chia.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Lệ H có đơn khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Đây là quan hệ tranh chấp "*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*" quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS; bị đơn cư trú tại xã Q, huyện K, căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đại diện ngân hàng Đ ông Lê Tấn N, bà Đào Thị N1 và chị Trần Thị Kim N2 vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Lệ H yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của bà và ông Trần Văn P sau khi ly hôn gồm các tài sản như sau:

1. Thửa đất số 197b, tờ bản đồ số 03, diện tích 350m^2, trong đó có 100m^2 đất ở và 250m^2 đất vườn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R ****** do UBND huyện K cấp ngày 25/8/2001 cho hộ ông Trần Văn P. Địa chỉ thửa đất: thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Có tứ cận như sau:

Phía đông giáp đất ông L2 dài 51m;

Phía tây giáp đất bà H, ông P mua của ông D, bà L1 dài 50m;

Phía nam giáp đất ông M dài 5m;

Phía bắc giáp đường liên xã dài 5m.

Chưa trừ mốc lộ giới.

Diện tích đo thực địa: 252,5m^2.

Tài sản gắn liền với đất:

01 nhà xây cấp 4, mái lợp tôn thiếc, tường xây 20cm, móng xây đá hộc; nền ốp gạch Cêramic, khung cửa gỗ, ½ diện tích có đóng trần bằng gỗ, ½ diện tích trần bằng tôn lạnh, xây dựng vào năm 2011 diện tích xây dựng 75m^2.

Mái che trước sân và đường luồng diện tích 32m^2, cổng sắt cao 1,6m, rộng 3,5m.

01 giếng sâu 16m, đường kính 1m, có xây thành giếng.

Trị giá nhà + đất: đã được định giá là 400.000.000đ.

2. Thửa đất số 536, tờ bản đồ số 03, diện tích 407m^2, trong đó có 200m^2 đất ở nông thôn, 207m^2 đất trồng cây lâu năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH

****** do UBND huyện K cấp ngày 09/4/2013 cho ông Trần Văn P, bà Hoàng Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đất ông Hoàng Xuân L dài 68,48m;
- Phía tây giáp đất ông Hoàng Xuân L dài 68,31m;
- Phía nam giáp đất ông Hoàng Xuân L dài 6m;
- Phía bắc giáp đường liên xã dài 6m.

Diện tích đo thực địa: 407m^2.

Cây trồng trên đất: 89 cây tiêu trồng năm 2017 (kiến thiết cơ bản) trụ bê tông.

Trị giá đất + tài sản trên đất: 110.000.000đ.

3. Thửa đất số 1162, tờ bản đồ số 9, diện tích 112m^2 đất ở tại đô thị. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI ****** do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/5/2017 cho ông Trần Văn P, bà Hoàng Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: Thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đường dài 15,8m;
- Phía tây giáp nhà ông Bắc dài 20m;
- Phía nam giáp đường số 11 gồm 02 đoạn gấp khúc, đoạn 1 dài 2,3m, đoạn 2 dài 5,7m;
- Phía bắc giáp nhà ông A dài 6m.

Trị giá 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

4. Lô đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 330m^2 tọa lạc tại thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị L1, ông Đào Xuân D chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ,

Có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp thửa đất 197b, đất của chị Huyền, anh Phương dài 51,9m;
- Phía tây giáp đất ông D, bà L1 dài 51,9m;
- Phía nam giáp đất ông D, bà L1 dài 5m;
- Phía bắc giáp đường tỉnh lộ 2 dài 5m.

Diện tích đo thực địa: 259m^2

Lô đất này ông P đã chuyển nhượng cho bà Đào Thị N1, chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Có trị giá 150.000.000đ.

Tài sản gắn liền trên đất: 01 nhà xây cấp 4 diện tích 57m^2, xây tường 10cm không tô trát, một bên tường dùng nhờ tường của nhà bà L1, ông D. Mái lợp tôn không đóng la phông, nền láng xi măng, móng xây gạch. Nhà do bà Đào Thị N1 xây dựng năm 2017. Phần mái che trước sân lợp tôn, diện tích 27,5m^2 (phần công trình do bà N1 xây dựng là tài sản của bà N1 nên không đề cập phân chia).

Tổng trị giá tài sản của bà H và ông P tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là 840.000.000đ, cần chia cho mỗi người ½ giá trị tài sản là phù hợp.

Xét nhu cầu sử dụng tài sản: Đối với lô thửa số 197b và tài sản trên đất, sau khi ly hôn bà H cùng các con ở trên mảnh đất này, các tài sản khác của đương sự có thể chia

bằng hiện vật và giá trị nên cần phân chia khối tài sản chung cho các đương sự cụ thể như sau:

Chia cho bà H được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

1. Thửa đất số 197b, tờ bản đồ số 03, diện tích 350m^2, trong đó có 100m^2 đất ở và 250m^2 đất vườn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R ****** do UBND huyện K cấp ngày 25/8/2001 cho hộ ông Trần Văn P. Địa chỉ thửa đất: thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tài sản gắn liền với đất:

01 nhà xây cấp 4, mái lợp tôn thiếc, tường xây 20cm, móng xây đá hộc; nền ốp gạch Cêramic, khung cửa gỗ, ½ diện tích có đóng trần bằng gỗ, ½ diện tích trần bằng tôn lạnh, xây dựng vào năm 2011diện tích xây dựng 75m^2.

Mái che trước sân và đường luồng diện tích 32m^2, cổng sắt cao 1,6m, rộng 3,5m.

01 giếng sâu 16m, đường kính 1m, có xây thành giếng.

Trị giá nhà, đất đã được định giá là 400.000.000đ.

2. Thửa đất số 1162, tờ bản đồ số 9, diện tích 112m^2 đất ở tại đô thị. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI ****** do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/5/2017 cho ông Trần Văn P, bà Hoàng Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: Thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tài sản gắn liền với đất: không có.

Trị giá 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng);

Tài sản hiện vật bà H được chia trị giá 580.000.000đ.

Chia cho ông P được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

1. Thửa đất số 536, tờ bản đồ số 03, diện tích 407m^2, trong đó có 200m^2 đất ở nông thôn, 207m^2 đất trồng cây lâu năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH ****** do UBND huyện K cấp ngày 09/4/2013 cho ông Trần Văn P, bà Hoàng Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Cây trồng trên đất: 89 cây tiêu trồng năm 2017 (kiến thiết cơ bản) trụ bê tông.

Trị giá đất + tài sản trên đất: 110.000.000đ.

2. Trị giá lô đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 330m^2 tọa lạc tại thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị L1, ông Đào Xuân D chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, lô đất này ông P đã chuyển nhượng cho bà Đào Thị N1, chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Có trị giá 150.000.000đ.

Đối với thửa đất này ông D và bà L1 đã nhận đủ tiền không có tranh chấp gì, sau khi ly hôn ông P và bà H đã thống nhất giao lô đất trên cho ông P quản lý, ông P đã bán lô đất cho bà N1 và lấy tiền. Hiện nay các bên đương sự không có tranh chấp, yêu cầu gì.

Tài sản ông P được nhận có trị giá 260.000.000đ.

[3.2] Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ.

Yêu cầu bà H và ông P phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 280.000.000đ và tiền lãi đến ngày xét xử là 47.632.474đ.

Xét thấy, ngày 18/5/2017 ông P và bà H ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/********/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K vay số tiền 280.000.000đ, lãi suất là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 11 tháng, hạn trả nợ vào ngày 18/4/2018.

Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH ******, thửa đất số 253, tờ bản đồ số 3, diện tích 407m^2, địa chỉ thửa đất: thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 09/4/2013 mang tên ông Trần Văn P và bà Hoàng Thị Lệ H.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R ******, thửa đất số 197b, tờ bản đồ số 3, diện tích 350m2, địa chỉ thửa đất: xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/8/2001 mang tên hộ Trần Văn P. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà H ông P chưa trả nợ là vi phạm hợp đồng. Căn cứ vào Điều khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Đ.

Đây là khoản nợ chung của bà H và ông P trong thời kỳ hôn nhân, nên bà H và ông P có trách nhiệm trả ½ khoản nợ này. Tuy nhiên, do phần tài sản thế chấp chia cho bà H là 400.000.000đ, phần tài sản thế chấp chia cho ông P trị giá 110.000.000đ nên cần chia khoản nợ theo tỷ lệ tương ứng tài sản được chia như sau: Bà Hoàng Thị Lệ H phải trả cho Ngân hàng nợ gốc 220.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 03/4/2019 là 37.358.149đ.

Tiếp tục tính lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng từ ngày 04/4/2019 cho đến ngày trả xong nợ.

Ông Trần Văn P phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 60.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 03/4/2019 là 10.274.325đ, tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 04/4/2019 cho đến ngày trả xong nợ.

Trường hợp bà H và ông P không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp gồm có: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH ******, thửa đất số 253, tờ bản đồ số 3, diện tích 407m^2, địa chỉ thửa đất: thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 09/4/2013 mang tên ông Trần Văn P và bà Hoàng Thị Lệ H.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R ******, thửa đất số 197b, tờ bản đồ số 3, diện tích 350m2, địa chỉ thửa đất: xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/8/2001 mang tên hộ Trần Văn P.

Trường hợp bà H, ông P trả xong nợ gốc và lãi, Ngân hàng phải trả cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dung đất số R ******, trả cho ông P giấy chứng nhận QSD đất số BH ******.

[3.3] Xét yêu cầu độc lập của ông Hoàng Xuân L yêu cầu bà Hoàng Thị Lệ H và ông P phải trả số tiền ông cho vay là 150.000.000đ, khi vay không có giấy tờ gì, nguyên đơn bà H thừa nhận nợ, ông P cho rằng ông không tham gia vay, không biết bà H vay số tiền trên về làm gì nên ông không chịu trách nhiệm trả khoản nợ trên. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản thỏa thuận phân chia tài sản lập ngày11/7/2017 các bên có thỏa thuận "… Mảnh đất khu Đ giao cho cô H bán và có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Xuân L 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng) và bà N3 18.000.000 (mười tám triệu đồng)…" điều đó chứng tỏ ông P biết khoản vay trên và đã công nhận khoản nợ trên, có căn cứ xác định số tiền 150.000.000đ bà H vay của ông Hoàng Xuân L là khoản nợ chung, cần buộc bà H và ông P mỗi người phải trả 50% số nợ bằng 75.000.000đ là phù hợp.

[3.4] Số tài sản bà H được chia (sau khi trừ công nợ bà H phải trả) có trị giá lớn hơn phần tài sản chia cho ông P, cần buộc bà H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông P số tiền là 66.458.000^{đ} (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Bà Hoàng Thị Lệ H và ông Trần Văn P phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 3.000.000đ, mỗi người ½ bằng 1.500.000đ. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng 3.000.000đ bà H đã nộp. Ông P phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.500.000đ. Bà H được nhận lại 1.500.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản sau khi Chi cục Thi hành án dân sự thu được tiền của ông P.

Về án phí: Bà Hoàng Thị Lệ H và ông Trần Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với phần tài sản mình được chia và nghĩa vụ về tài sản mà mình phải chịu.

Yêu cầu độc lập của Ngân hàng Đ và ông Hoàng Xuân L được chấp nhận nên không phải chịu án phí, cần trả lại số tiền tạm ứng án phí cho các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các khoản 1, 2, 3 Điều 37; Điều 59, khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 91 luật các tổ chức tín dụng; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24; điểm e Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Lệ H.

Chia cho bà Hoàng Thị Lệ H được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

- Thửa đất số 197b, tờ bản đồ số 03, diện tích 350m^2, trong đó có 100m^2 đất ở và 250m^2 đất vườn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R ****** do UBND huyện K cấp ngày 25/8/2001 cho hộ ông Trần Văn P. Địa chỉ thửa đất: thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đất ông L2 dài 51m;

- Phía tây giáp đất bà H, ông P mua của ông D, bà L1 dài 50m;

- Phía nam giáp đất ông M dài 5m;

- Phía bắc giáp đường liên xã dài 5m.

Tài sản gắn liền với đất:

01 nhà xây cấp 4, mái lợp tôn thiếc, tường xây 20cm, móng xây đá hộc; nền ốp gạch Cêramic, khung cửa gỗ, ½ diện tích có đóng trần bằng gỗ, ½ diện tích trần bằng tôn lạnh, xây dựng vào năm 2011, diện tích xây dựng 75m^2.

Mái che trước sân và đường luồng diện tích 32m^2, cổng sắt cao 1,6m, rộng 3,5m.

01 giếng sâu 16m, đường kính 1m, có xây thành giếng.

Trị giá nhà, đất, tài sản trên đất 400.000.000^đ.

- Thửa đất số 1162, tờ bản đồ số 9, diện tích 112m^2 đất ở tại đô thị. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI ****** do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/5/2017 cho ông Trần Văn P, bà Hoàng Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: Thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Có tứ cận như sau:

+ Phía đông giáp đường dài 15,8m;

+ Phía tây giáp nhà ông Bắc dài 20m;

+ Phía nam giáp đường số 11 gồm 02 đoạn gấp khúc, đoạn 1 dài 2,3m, đoạn 2 dài 5,7m;

+ Phía bắc giáp nhà ông A dài 6m.

Tài sản gắn liền với đất: không có.

Trị giá 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng);

Tài sản hiện vật bà H được chia trị giá 580.000.000đ.

Chia cho ông Trần Văn P được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

- Thửa đất số 536, tờ bản đồ số 03, diện tích 407m^2, trong đó có 200m^2 đất ở nông thôn, 207m^2 đất trồng cây lâu năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH ****** do UBND huyện K cấp ngày 09/4/2013 cho ông Trần Văn P, bà Hoàng Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: Thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đất ông Hoàng Xuân L dài 68,48m;

- Phía tây giáp đất ông Hoàng Xuân L dài 68,31m;

- Phía nam giáp đất ông Hoàng Xuân L dài 6m;

- Phía bắc giáp đường liên xã dài 6m

Cây trồng trên đất: 89 cây tiêu trồng năm 2017 (kiến thiết cơ bản) trụ bê tông.

Trị giá đất + tài sản trên đất: 110.000.000đ.

- Trị giá lô đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 330m^2 tọa lạc tại thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị L1, ông Đào Xuân D chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, lô đất này ông P đã chuyển nhượng cho bà Đào Thị N1, chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Có trị giá 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

Tài sản hiện vật ông P được chia có trị giá 260.000.000đ.

- Bà Hoàng Thị Lệ H phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho ông Trần Văn P số tiền 66.458.000^đ (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà H và ông P phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ (trả tại Phòng giao dịch K - Chi nhánh B) số tiền nợ gốc là 280.000.000đ và tiền lãi đến ngày xét xử là 47.632.474đ. Chia theo phần bà Hoàng Thị Lệ H phải trả cho Ngân hàng nợ gốc 220.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 03/4/2019 là 37.358.149đ. Ông Trần Văn P phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 60.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 03/4/2019 là 10.274.325đ.

Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/********/HĐTD ngày 18/5/2017, kể từ ngày 04/4/2019 cho đến ngày trả xong nợ.

Trường hợp bà H và ông P không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp gồm có:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH ******, thửa đất số 253, tờ bản đồ số 3, diện tích 407m^2, địa chỉ thửa đất: thôn 4, xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 09/4/2013 mang tên ông Trần Văn P và bà Hoàng Thị Lệ H.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R ******, thửa đất số 197b, tờ bản đồ số 3, diện tích 350m2, địa chỉ thửa đất: xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/8/2001 mang tên hộ Trần Văn P.

Trường hợp bà H, ông P trả xong nợ gốc và lãi, Ngân hàng phải trả cho ông P giấy chứng nhận quyền sử dung đất số BH ****** do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 09/4/2013 mang tên ông Trần Văn P và bà Hoàng Thị Lệ H; Trả cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R ******, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 25/8/2001 mang tên hộ Trần Văn P.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hoàng Xuân L.

Buộc bà Hoàng Thị Lệ H và ông Trần Văn P phải trả cho ông L số tiền 150.000.000đ, bà H và ông P mỗi người phải trả 50% số nợ bằng 75.000.000đ (*bảy mươi lăm triệu đồng*).

4. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Bà Hoàng Thị Lệ H và ông Trần Văn P phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 3.000.000đ, mỗi người ½ bằng 1.500.000đ. Được khấu trừ vào tiền tạm

ứng chi phí 3.000.000đ bà H đã nộp. Ông P trả cho bà H là 1.500.000đ tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Bà H được nhận lại 1.500.000đ sau khi Chi cục Thi hành án dân sự thu được tiền của ông P.

+Về án phí:

- Buộc bà Hoàng Thị Lệ H, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.740.000đ (*Ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 5.375.000đ (*Năm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số 0005725 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Bà H còn phải nộp 27.365.000đ.

- Buộc ông Trần Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.740.000đ (*Ba mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ (trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K) số tiền tạm ứng án phí 7.648.219đ (*Bảy triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm mười chín đồng*) đã nộp tại biên lai số: 0009222 ngày 23/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

- Hoàn trả cho ông Hoàng Xuân L số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số: 0005787 ngày 24/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên